

Phụ lục I
CÁCH XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI
CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

1. Cây hằng năm

Căn cứ vào đặc tính và quá trình sinh trưởng của từng loại cây, cây hàng năm được chia làm 3 loại như sau:

- a) Loại A: cây cho năng suất cao nhất;
- b) Loại B: cây cho năng suất trung bình;
- c) Loại C: cây cho năng suất kém.

Riêng đối với loại cây trồng phải lên líp thì diện tích cây trồng phải bồi thường chỉ tính phần diện tích đất lên líp (không tính diện tích đất mương).

2. Cây ăn trái

Đơn giá bồi thường đối với cây ăn trái căn cứ trên tuổi cây, thời gian sinh trưởng của cây, thời gian cho trái, cho trái ổn định đến già cỗi. Đơn giá bồi thường dựa vào kết quả điều tra thực tế đầu vào trong quá trình chăm sóc như giống, phân, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), công chăm sóc,... lợi nhuận của cây nếu cây đã cho trái. Căn cứ vào đặc tính và quá trình sinh trưởng của từng loại cây trồng, chia ra làm 2 nhóm như sau:

a) Nhóm 1: có thời gian từ trồng đến thu hoạch lâu năm, được chia ra làm 04 giai đoạn sinh trưởng, như sau:

Loại A: Cây trồng đang trong thời kỳ trưởng thành, cho trái, năng suất cao, ổn định.

Loại B: Cây đang thời kỳ sinh trưởng, cho trái chưa ổn định; cây trong thời kỳ già cỗi, năng suất kém.

Loại C: Cây đang thời kỳ sinh trưởng, chưa cho trái.

Loại D: Cây mới trồng dưới 1 năm (cây còn nhỏ chưa được phân loại A, B, C).

b) Nhóm 2: có thời gian từ trồng đến thu hoạch ngắn, được chia ra làm 03 giai đoạn sinh trưởng, như sau:

Loại A: cây đang cho trái.

Loại B: cây lớn, sắp cho trái.

Loại C: cây mới trồng.

3. Cây hoa kiểng:

Các loại cây hoa, kiểng trồng dưới đất như: Mai vàng, Mai chiếu thủy, Nguyệt quế, Linh sam, Bông giấy, Cành thặng, Kim quýt, Bông bụt, Bông giấy, Bông trang, Cau kiểng, Điệp, Đinh lăng, Hoa sứ, Huỳnh anh, Hoàng hạ (Hoàng hậu), Tha La (Sala), Sa kê, Thần kỳ, Cọ, cây kiểng khác trồng dưới đất. Nhóm cây hoa kiểng được chia ra làm 06 loại, xác định theo đường kính gốc như sau:

Loại A: Kiểng cổ thụ trồng dưới đất có đường kính gốc > 30 cm

Loại B: Kiểng trồng dưới đất có đường kính gốc từ 20 đến 30 cm

Loại C: Kiểng trồng dưới đất có đường kính gốc từ 15 đến dưới 20 cm

Loại D: Kiểng trồng dưới đất có đường kính gốc từ 10 cm đến dưới 15 cm

Loại Đ: Kiểng trồng dưới đất có đường kính gốc từ 5 cm đến dưới 10 cm

Loại E: Kiểng trồng dưới đất có đường kính gốc từ 2 cm đến dưới 5 cm

4. Cây lấy gỗ:

Đối với các loại cây lấy gỗ được xác định theo nhóm gỗ căn cứ theo Quyết định số 2198/CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 của Bộ Lâm nghiệp về việc phân loại các loại gỗ sử dụng; Quyết định số 334/CNR ngày 10 tháng 5 năm 1988 của Bộ Lâm nghiệp điều chỉnh việc xếp hạng một số loại gỗ sử dụng trong bản phân loại 8 nhóm và các loại cây lấy gỗ khác. Đơn giá bồi thường được xác định bằng cách tính đường kính gốc, riêng đối với cây cừ tràm (trần nước) thì tính bằng đường kính ngọn.

Đối với nhóm cây lấy gỗ theo Quyết định số 2198/CNR ngày 26 tháng 11 năm 1977 và Quyết định số 334/CNR ngày 10 tháng 5 năm 1988 của Bộ Lâm nghiệp, được chia ra làm 06 loại, như sau:

Loại A: Đường kính gốc từ 70 cm trở lên.

Loại B: Đường kính gốc từ 60 cm đến dưới 70 cm.

Loại C: Đường kính gốc từ 40 cm đến dưới 60 cm.

Loại D: Đường kính gốc từ 20 cm đến dưới 40 cm.

Loại Đ: Đường kính gốc từ 10 cm đến dưới 20 cm.

Loại E: Đường kính gốc dưới 10 cm.

Đối với các loại cây lấy gỗ khác được chia làm 6 nhóm nhỏ như sau:

a) Nhóm 1: cây gỗ lớn gồm có các loại cây như: Sao, Dầu rái, Dầu long, Bằng lăng, Bời lời, Cà đuối, Cà men, Sơn mã, Cây, Chay, Da tây, Nâu, Huỳnh, Răng, Sấu, Sung mã, Tà men, Trai, Trai rừng, Dó bầu, Diệp, Tùng, Viết, Trâm bầu, Tra, Thao lao, Sến, Gõ, Xưa, Bên, Muồng đen.

b) Nhóm 2: cây ưa sáng mọc nhanh gồm có các loại cây như: Mù u, Trâm, Sắn, Sung, Sung rừng đen, Sung rừng trắng, Bần, Đầu heo, Bứa, Bình linh, Con cang, Luồng tuồng, Miên, Mít rừng, Nhãn rừng, Rội, Sơn, Sét, Tà sét, Thị rừng, Dương, Bàng, Phượng, Còng, Sầu đầu, Xoan, Chôm chôm rừng, Măng khe, Nhọc, Tung, Xương máu, Bàng, Cao su, Xanh, Lộc vừng, Lụa, Mắm, Me nước, Vẹt, Trôm, Lâm dồ, Xà cừ, gáo, bún, gừa, trâm bầu, liễu, diệp, thông, tùng.

c) Nhóm 3: cây tạp gồm có các loại cây như: Gòn, Gừa, Sộp, Bò đê, Ván ngựa, Si, Bã đậu, Gáo, Bình bát, Cà ri, Chồi mò, Cò ke, Dâu tầm ăn, Diên điển, Đỗ trọng, Đũng đỉnh, Nhàu, Quao, So đũa, Trà là, Vông nem, cây tạp khác.

Đối với 3 nhóm trên được chia làm 05 loại xác định theo đường kính gốc của cây như sau:

Loại A: Đường kính gốc từ 35 cm đến 40 cm

Loại B: Đường kính gốc từ 20 cm đến 35 cm

Loại C: Đường kính gốc từ 10 cm đến 20 cm

Loại D: Đường kính gốc từ 5 cm đến nhỏ hơn 10 cm

Loại Đ: Đường kính gốc nhỏ hơn 5 cm.

d) Nhóm 4: gồm có cây Tràm Bông vàng, cây Bạch đàn, cây Keo lai, cây Cừ tràm, cây Đước và cây Tràm úc trồng riêng lẻ là cây trồng có diện tích dưới 3.000m^2 tính cho một tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân, mật độ dưới 666 cây/ha. Trường hợp diện tích trên 3000 m², nhưng mật độ cây trồng dưới 666 cây/ha thì tính riêng lẻ.

đ) Nhóm 5: gồm có cây Tràm Bông vàng, cây Bạch đàn, cây Keo lai, cây Tràm nước, cây Tràm úc và cây Đước trồng tập trung. là cây trồng có diện tích trồng từ 3.000m^2 trở lên tính cho một tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân; cây trồng phải liền lô, liền khoảnh, mật độ cây trồng từ 666 cây/ha trở lên. Trường hợp diện tích dưới 3000 m² nhưng mật độ trên 666 cây/ha thì tính trồng rừng tập trung.

e) Nhóm 6: gồm cây Tre, cây Trúc, cây Dừa nước, trong đó cây Trúc được chia ra làm 06 loại xác định theo số lượng cây của bụi như sau:

Từ 100 cây/bụi trở lên

Từ 50 đến dưới 100 cây/bụi

Từ 20 đến dưới 50 cây/bụi

Từ dưới 20 cây/bụi (từ 10 cây đến 19 cây/bụi)

Từ 3 cây đến 9 cây/bụi

Từ dưới 3 cây/bụi

5. Vật nuôi là thủy sản:

a) Đối với phương pháp nuôi thâm canh – bán thâm canh: mức giá bồi thường từng loại thủy sản được quy định tại phụ lục VI và VII ban hành kèm theo Quyết định.

b) Đối với phương pháp nuôi quảng canh: mức giá bồi thường từng loại thủy sản tính bằng 40% so với giá bồi thường theo phương pháp nuôi thâm canh – bán thâm canh.

6. Vật nuôi khác

Đối với vật nuôi khác không phải là thủy sản, tùy vào từng dự án cụ thể, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định giá trị vật nuôi thuộc phạm vi bồi thường gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.